

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ngọc Bột

2. Ông Lê Văn Nhữn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ B N, sinh năm 1985; Địa chỉ: xã T, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Lê H H, sinh năm 1986; Địa chỉ: xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bà Đỗ B N có mặt, ông Lê H H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đỗ B N trình bày:* Bà N và ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 07/11/2006. Trong quá trình chung sống, bà N và ông H có 01 con chung tên Lê Đỗ M T, sinh ngày 25/4/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 bà N và ông H bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H rượu chè cờ bạc về quậy phá, đánh đập bà N, ngoài ra ông H còn ngoại tình với người phụ nữ khác. Do mâu thuẫn trầm trọng nên bà N và ông H đã ly thân từ tháng 02/2018 cho

đến nay. Vào năm 2019, ông H đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An nhưng vì hai bên chưa thỏa thuận được phân tài sản nên ông H rút đơn khởi kiện lại.

Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê H H.

Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Lê H H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của bị đơn ông Lê H H:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê H H vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Đỗ B N và ông Lê H H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vào ngày 07/11/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Đỗ B N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê H H cư trú tại xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê H H: Xét thấy ông Lê H H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Lê H H.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa, bà N xác định không còn tình cảm với ông H, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy ông H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên có đủ căn cứ xác định ông H không quan tâm, không có thiện chí, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ với bà N. Ngoài ra, vào năm 2019 ông H đã từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà N tại Tòa án

nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An nhưng sau đó rút lại đơn khởi kiện vì hai bên chưa thỏa thuận được phân tài sản. Như vậy căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày của bà N về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà N và ông H có 01 con chung tên Lê Đỗ M T, sinh ngày 25/4/2004. Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, bà N là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và con chung (16 tuổi) có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, do đó căn cứ theo nguyện vọng của con chung và để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung, tránh thay đổi môi trường sống, môi trường học tập nên cần tiếp tục giao con chung cho bà N nuôi dưỡng. Ngoài ra, ông H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến và yêu cầu tranh chấp nuôi con chung. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Đỗ B N phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Ông Lê H H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ B N đối với ông Lê H H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đỗ B N ly hôn ông Lê H H.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Đỗ M T, sinh ngày 25/4/2004 cho bà Đỗ B N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê H H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Đỗ B N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000048 ngày 23/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ B N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê H H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- UBND xã B;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng